Tên: ……...

Lớp: S2...

Ngày giao bài: Thứ…., ngày…./….

Ngày nộp bài: Thứ…., ngày…./….

Week: 2

Từ vựng & Ngữ pháp HW: …….

A DAY AT SCHOOL – VOCABULARY & SPEAKING PRACTICE

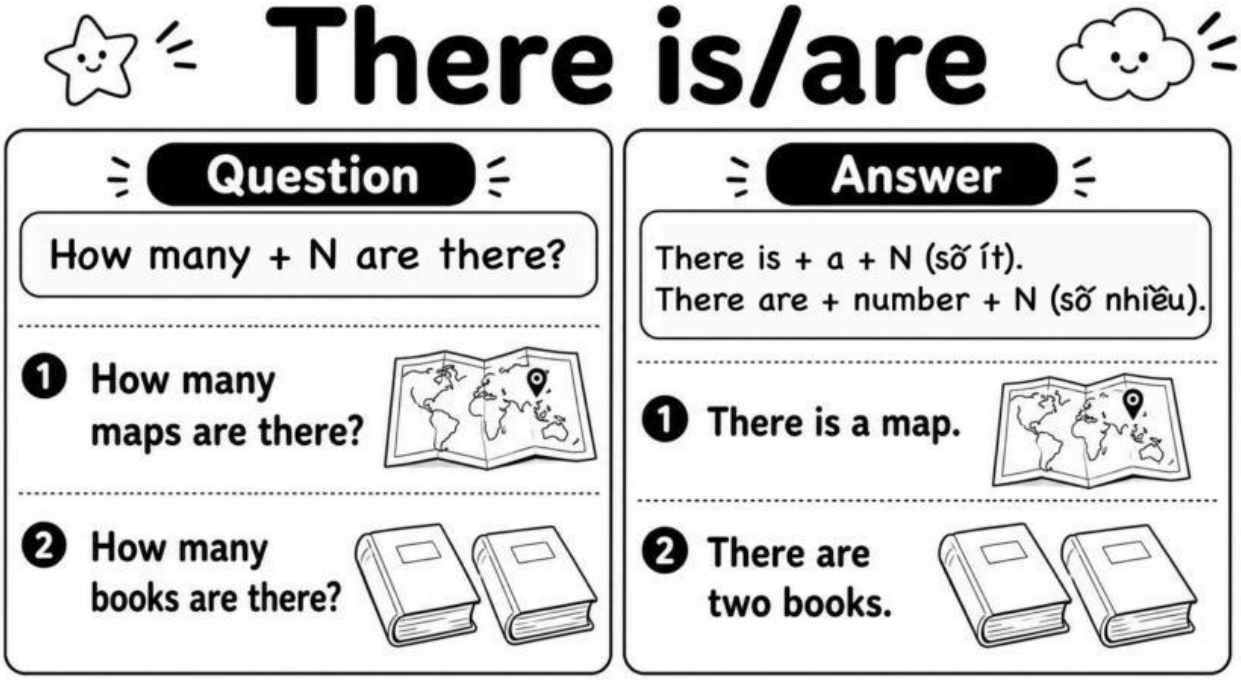
A. THEORY

I. VOCABULARY

Con truy cập link/quét mã QR để nghe và đọc lại từ vựng nhé:
https://soundcloud.com/ms-chi-english/for_s2_w2_vocab

No.	Words	Meanings	Pictures
1	**Monday**	Thứ Hai	
2	**Tuesday**	Thứ Ba	
3	**Wednesday**	Thứ Tư	
4	**Thursday**	Thứ Năm	
5	**Friday**	Thứ Sáu	
6	**Saturday**	Thứ Bảy	
7	**Sunday**	Chủ Nhật	

II. GRAMMAR REVISION



LIVEWORKSHEETS

B. HOMEWORK

VOCABULARY & GRAMMAR (25 questions)

I. Tracing. *(Tô từ.)*

Monday Monday Monday Monday

Tuesday Tuesday Tuesday Tuesday

Wednesday Wednesday Wednesday

Thursday Thursday Thursday Thursday

Friday Friday Friday Friday

Saturday Saturday Saturday Saturday

Sunday Sunday Sunday Sunday

II. Do a crossword. *(Giải ô chữ.)*

S	W	E	D	N	E	S	D	A	Y
A	S	A	N	D	D	A	D	H	I
T	U	E	D	~~M~~	~~O~~	~~N~~	~~D~~	~~A~~	~~Y~~
U	N	W	Q	F	R	P	M	N	T
R	D	M	Z	A	S	O	N	R	E
D	A	T	U	E	S	D	A	Y	R
A	Y	A	N	F	R	I	D	A	Y
Y	T	H	U	R	S	D	A	Y	A

~~MONDAY~~

TUESDAY

WEDNESDAY

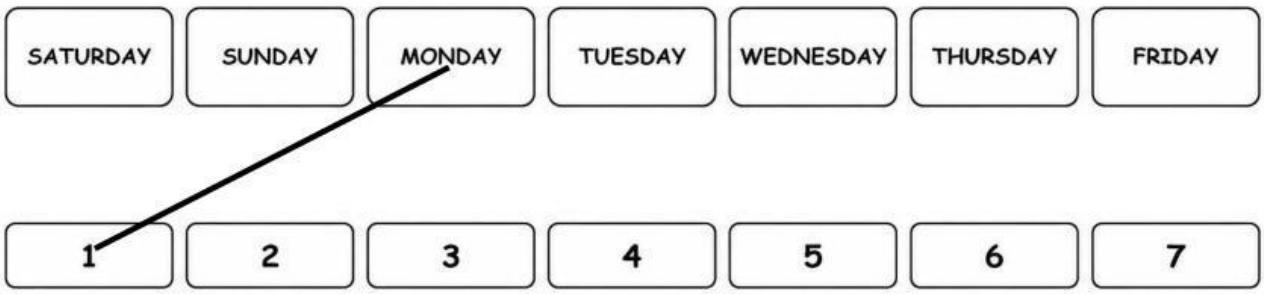
THURSDAY

FRIDAY

SATURDAY

SUNDAY

III. Order the days of the week. *(Sắp xếp thứ tự các ngày trong tuần)*



LIVEWORKSHEETS

IV. Write the words using the given hints. *(Sử dụng gợi ý cho sẵn để viết được từ đúng.)*

0. Wednesday | Thursday | Friday

1. _____ | Friday | Saturday

2. Sunday | _____ | Tuesday

3. _____ | Tuesday | Wednesday

4. Friday | _____ | Sunday

V. Complete the sentences. Using am, is, are. *(Hoàn thành câu. Sử dụng am, is, are.)*



0. *How many calendars are there? There <u>is</u> a calendar.*



1. How many jumpers are there? There _____ two jumpers.



2. How many books are there? There _____ three books.



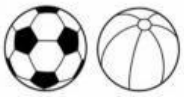
3. How many clocks are there? There _____ a clock.

LIVEWORKSHEETS

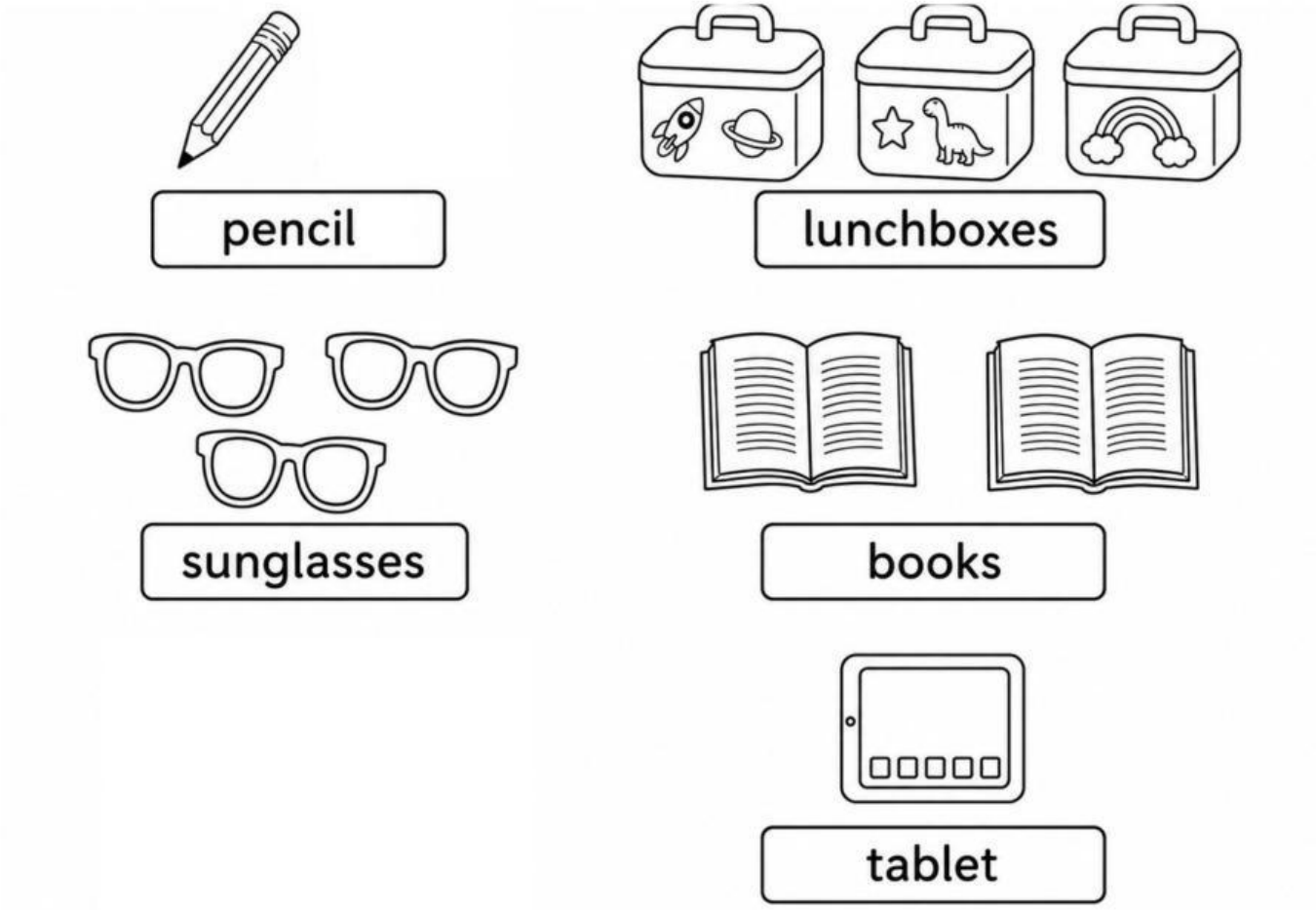
4. How many phones are there? There _____ a phone.



5. How many balls are there? There _____ two balls.



VI. Look at the picture and complete the answers. *(Nhìn tranh và hoàn thành câu trả lời..)*



0. *How many pencils are there?*
   → *There is a pencils.*
1. How many lunchboxes are there?
   → There _____.
2. How many sunglasses are there?
   → There _____.
3. How many books are there?
   → There _____.
4. How many tablets are there?
   → There _____.

LIVEWORKSHEETS